

Thời tiết với sản xuất nông nghiệp vụ
ĐÔNG XUÂN 1979 - 1980 Ở THÁI BÌNH

Đặng Thanh Hà
(Đài KTTV Thái Bình)

Vụ đông xuân 1979 - 1980 thời tiết diễn biến tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, tuy vậy cũng có một vài biến động mạnh nhỏ: trong vụ đông không mưa, nắng nhiều, gây khô hạn trên phạm vi toàn tỉnh; vào thời kỳ gieo cấy lúa xuân, rét đậm kéo dài 16 ngày liên tục, làm tiến độ và kế hoạch sản xuất nông nghiệp bị ngưng trệ. Từ giữa tháng II đến hết vụ, thời tiết nhìn chung phù hợp với sự phát triển của lúa và các loại rau màu.

Trên cơ sở những tư liệu của Ty nông nghiệp, chi cục thống kê, những số liệu quan trắc tại trạm khí tượng, trong bài này xin nêu một số ý kiến phân tích và đánh giá về điều kiện khí tượng nông nghiệp trong vụ đông xuân 1979 - 1980 tại Thái Bình.

A - Tình hình thời tiết.

Vụ đông xuân 1979 - 1980, mùa đông bắt đầu sớm và cũng kết thúc sớm. Trung bình nhiều năm ở Thái Bình mùa đông bắt đầu từ ngày 27/XI và kết thúc vào ngày 20/III. Năm nay mùa đông bắt đầu từ ngày 13/XI và kéo dài hết tháng II, đầu sớm hơn mọi năm 14 ngày và cũng kết thúc sớm hơn 20 ngày.

Hầu tính từ tháng X/1979 đến hết tháng V/1980, thời tiết chịu sự chi phối của 2 đợt gió mùa đông bắc và 8 đợt không khí lạnh tăng cường yếu, nhiều hơn trung bình nhiều năm (TBNN) 2 đợt. Trong đó đợt gió mùa mạnh nhất về ngày 30/I, nhiệt độ sau 24h giảm 6°C. Tiếp đó, sang nửa đầu tháng II liên tiếp có các đợt không khí lạnh tăng cường vào các ngày 2, 5, 7, 14, gây rét đậm trong nửa đầu tháng.

Nguồn nước vụ đông vừa qua thiếu hụt nghiêm trọng, mưa rất nhỏ, lượng mưa không đáng kể, mực nước các sông trong tỉnh xuống rất thấp. Các đợt không khí lạnh về thường khô hanh, nắng nhiều, lượng nước bốc hơi lớn, độ ẩm tương đối của không khí thấp hơn nhiều so với giá trị TBNN cùng thời kỳ, dẫn đến tình trạng khô hạn trên toàn tỉnh.

1. Mưa: Mưa ít là điểm nổi bật nhất trong đông xuân 1979 - 1980. Lượng mưa tất cả các tháng (trừ tháng VI) trong vụ ở các nơi đều thấp hơn TBNN. Suốt trong 4 tháng vụ đông, trên toàn tỉnh hàng chục ngày không mưa, vùng Kiến Xương có tới 129 ngày liên không mưa, riêng tháng XII, toàn khu vực Thái Bình không mưa. Nếu tính tổng lượng mưa trong 4 tháng X, XI, XII/1979 và tháng I/1980 thì nơi có lượng mưa nhiều nhất là huyện Vũ Thư cũng chỉ có 20,2mm và nơi mưa ít nhất là Kiến Xương (0,0). Lượng mưa trong 4 tháng này đã đạt giá trị cực thấp của tổng lượng mưa 4 tháng vụ đông trong 25 năm gần đây.

Vào hạ tuần tháng VI, do chịu ảnh hưởng của cơn bão số 2, các nơi đều có

mưa vừa đến mưa to, đưa tổng lượng mưa vụ lên 366 - 836mm. Tuy nhiên suốt 8 tháng liền (từ tháng I/1979 đến V/1980) lượng mưa đều thấp hơn TBNN, nên tổng lượng mưa vụ đông xuân 1979 - 1980 ở các nơi đều hụt TBNN từ 50-410mm, riêng Quỳnh phụ vượt TBNN 105mm (do có mưa lớn cuối tháng VI).

2. Nhiệt độ. Đông xuân 1979 - 1980 là một vụ tương đối ấm. Tuy mùa đông đến sớm, nhưng nền nhiệt độ khá cao trong các tháng XII và tháng I (mọi năm đây là những tháng rét nhất của mùa đông). Nhiệt độ trung bình các tháng này 17-19°, cao hơn TBNN 1 - 1,5°.

Ngày 30/I, một đợt không khí lạnh mạnh tràn về Thái bình, sau đó liên tiếp có 4 đợt nữa bổ sung gây rét đậm trong 16 ngày liền. Suốt trong đợt rét này nhiệt độ không khí đều nhỏ hơn 15°C, nhiệt độ thấp nhất xuống tới 6,9° (ngày 8). Đây là đợt rét mạnh nhất trong vụ đông xuân này, tuy nhiên nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối chưa đạt tới giá trị cực và đứng hàng thứ ba cùng thời kì trong dãy số liệu (sau tháng II/1968 và II/1977), biên độ nhiệt độ ngày đêm rất nhỏ (1-2°C). Đặc biệt trong 10 ngày đầu tháng II, trời giá rét, nhiệt độ trung bình tuần đã xuống 10,9°, hụt TBNN tới 4° và thấp hơn cùng thời kì năm 1979 5,1°. Suốt trong đợt rét này, trời nhiều mây, ẩm u kéo dài suốt ngày, nhiệt độ thấp kết hợp với mưa và ẩm làm tăng thêm rét giá buốt.

Từ hạ tuần tháng II, nhiệt độ tăng nhanh và từ 1/III nhiệt độ trung bình ngày đã ổn định trên 20°, kết thúc mùa đông.

Tổng nhiệt dương trong cả vụ đông xuân 1979 - 1980 bằng hoặc xấp xỉ với giá trị TBNN.

3. Nắng. Đầu vụ nắng nhiều, tuần nào cũng có trên 40h nắng, nhiều tuần số giờ nắng đạt tới 80 - 90h, trong đó nhiều ngày có trên 10h. Số giờ nắng trong 3 tháng đầu vụ vượt TBNN hơn 100h. Từ tháng I đến hết vụ nắng giảm, số giờ nắng trong các tháng đều ít hơn TBNN cùng thời kì từ 3 - 33h, trong đó tháng II nắng yếu nhất cả tháng chỉ có 11,9h. Như vậy tổng số giờ nắng trong cả vụ đông xuân này tập trung chủ yếu vào 3 tháng đầu vụ nên vẫn hụt TBNN 10h. Số giờ nắng trong toàn vụ là 1079,8h.

4. Ẩm độ: Độ ẩm không khí trung bình tuần trong vụ dao động từ 69-94%. Đầu vụ khô hanh, độ ẩm giảm nhiều so với TBNN cùng thời kì, tháng XI, độ ẩm không khí thấp hơn TBNN 9%, độ ẩm trung bình tháng cũng chỉ có 75%, thấp nhất xuống tới 50-60%. Độ ẩm cao nhất (94%) vào các tháng II, III, cuối vụ ẩm độ dao động ở mức trung bình.

5. Bốc hơi. Quá trình bốc hơi trong suốt vụ đều mạnh, lượng bốc hơi trong các tháng đều vượt TBNN từ 10 - 85mm. Đặc biệt trong 3 tháng X, XI, XII/1979 lượng bốc hơi lên tới 373mm, vượt TBNN tới 216,5mm. Tổng lượng bay hơi trong toàn vụ 845,4mm, nhiều hơn TBNN 323,5mm.

B - Ảnh hưởng của thời tiết đến sản xuất nông nghiệp.

1. Hạn nghiêm trọng, thiếu nước tưới cho cây vụ tăng và sản xuất vụ chiêm xuân. Cây vụ đông năm nay phát triển trong điều kiện thời tiết bất lợi. mặc dù

các yếu tố nhiệt độ và ánh sáng rất phù hợp với các quá trình sinh trưởng và phát dục của các loại cây.

Như trên đã nêu rõ, trong 4 tháng vụ đông các yếu tố khí tượng biến thiên không bình thường, làm cho khô hạn tăng, trong khi đó mực nước các sông xuống thấp hơn THNN từ 0,20 - 0,30cm và xấp xỉ với mực nước năm 1962 (là năm có mực nước thấp nhất). Nguồn nước các sông hồ ao nội đồng rất cạn, nhiều hồ ao nứt nẻ, không đủ nước tưới cho cây. Đây là một trong những nguyên nhân làm giảm tổng diện tích gieo trồng vụ đông 1979-1980 (mới đạt 73,5% kế hoạch), trong đó diện tích cây lương thực khoai lang mùa và ngô đông đạt 73,6% (khoai tây 70,9%), mặc dù diện tích cây vụ đông này xấp xỉ với vụ đông trước.

Chế độ nhiệt và ánh sáng rất thuận lợi cho mọi cây trồng sinh trưởng và phát dục, đặc biệt là khoai tây và khoai lang. Thời kỳ mọc mầm và ra lá, nhiệt độ trung bình ngày đều trên 22°. Sang thời kỳ hình thành củ nhiệt độ xuống thấp dần từ 15-19°. Cường độ ánh sáng mạnh với 7-9h/ngày và khô hanh nên hạn chế được sự phát sinh sâu bệnh, nhưng bốc hơi càng tăng thì nhu cầu về nước của cây càng tăng nhiều, trên những diện tích không được tưới đủ nước, đặc biệt trong giai đoạn hình thành củ, năng suất giảm rõ rệt. Rau màu phát triển chậm, nhiều cây trồng cạn bị khô héo, trong vụ đông vừa qua tổn rất nhiều công để tưới nước. Năng suất đại trà trên toàn tỉnh khoai tây 85,87 tạ/ha, khoai lang mùa 57,8 tạ/ha và ngô đông 13 tạ/ha, nếu như đủ nước tưới cho cây thì chắc chắn tổng sản lượng thu hoạch vụ đông 1979 - 1980 còn ở mức cao hơn nhiều.

Tình hình khô hạn trên đã gây những khó khăn và thuận lợi nhất định cho việc triển khai sản xuất vụ chiêm xuân :

Khó khăn : - Thiếu nước dễ làm mạ và ra bèo dậu. Một số diện tích không tháo nước vào kịp, bèo chết.

- Năng hạn kéo dài, lượng ẩm trong đất quá thấp, nhiều thửa trâu bò không cày nổi, mất nhiều công tát nước hoặc phải cho cày máy.

- Hạn kéo dài, đất bị bốc chua nhất là ở các vùng ven biển Thái Thụy.

Thuận lợi : - Khô hanh, nắng nhiều, được ải.

- Diệt trừ các mầm mống sâu bệnh

- Đảm bảo chế độ nhiệt và ánh sáng cho cây.

Trên cơ sở những khó khăn và thuận lợi trên, ta thấy rằng : nếu như hệ thống thủy nông được hoàn chỉnh hơn, nguồn nước tưới được cung cấp kịp thời thì thời tiết vụ đông 1979 - 1980 là một thuận lợi rất lớn cho sản xuất nông nghiệp.

2. Công tác đông ruộng .

Trong vụ đông xuân này khâu làm đất gặp nhiều khó khăn. Như trên đã phân tích, khô hạn lâu ngày, đất cứng, 4% diện tích phải dùng cày máy, nhưng diện tích đã xấp xỉ đã lên tới 81%; tăng 20,3% so với đông xuân 1978-1979.

Tổng diện tích mạ gieo 6 255 ha, mạ NNB chiếm 76% tăng hơn vụ trước hơn 2,9 lần. Vào thời kỳ cấy tốt nhất, đất rất ẩm kéo dài, mạ không được, (gieo

dây, mạ sên hoặc trên nền đất cứng) chết nhiều, hàng ngàn ha lúa phải cấy dặm, cấy lại. Đợt rét này đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ cấy lúa xuân, chỉ có 71,4% diện tích lúa cấy kịp thời vụ (đến 28/II), còn lại đến 10/III việc cấy lúa mới hoàn thành. Từ trung tuần tháng III chuyển trọng tâm sang làm cỏ bón phân cho lúa. Đến 15/IV, 100% diện tích được làm cỏ 2 lần và 64% được làm cỏ đợt 3.

Vì thời vụ cấy kéo dài, lúa xuân chín muộn, sang trung tuần tháng VI gặt rộ. Mười ngày cuối tháng VI mưa nhiều, nắng rất ít, tốc độ làm hạt và chín của lúa trà muộn chậm lại so với các trà đầu. Việc thu hoạch và bảo quản lúa gặp trở ngại.

3. Tình hình phát triển của mạ và lúa chiêm xuân.

Mạ được gieo đại trà vào cuối tháng XI và trong tháng XII, nền nhiệt độ trong các tháng này cao so với cùng thời gian này của nhiều năm, nhiệt độ trung bình từ 18 - 20°, vượt TRMN 1,3 - 1,5°, nắng đủ (4,9h/ngày). Trong thời kì này không có đợt rét hại nào. Mạ mọc mầm sau gieo 5 ngày, từ mọc mầm đến 3 lá là 9 ngày. Điều kiện nhiệt độ và ánh sáng đã thúc đẩy việc sinh trưởng của mạ chiêm xuân, mạ phát triển nhanh, tốc độ ra lá khá đều. Khi đợt gió mùa đông bắc có cường độ mạnh về mạ đã được 6 - 7 lá, đủ sức chịu đựng với các đợt rét mạnh, các đợt mạ không được gieo từ 20 - 25/I, mới có 1 - 2 lá, gặp rét đậm kéo dài 15 ngày chết hoàn toàn.

Trước đợt rét (nửa đầu tháng 2), toàn tỉnh mới cấy được 1/4 diện tích trong đó NN8 chiếm 80%, trong đợt rét hại, nhiều hợp tác xã vẫn tiếp tục cấy thêm 10972 ha. Qua khảo sát, điều tra ở một số huyện và xã trong tỉnh thấy rằng, tỉ lệ lúa và mạ chết phụ thuộc vào thời gian gieo cấy và các biện pháp chăm sóc.

Lúa cấy trước 25/I hầu như không chết. Lúa cấy trước đợt rét 2-3 ngày và trong đợt rét, không bén rễ hồi xanh được, lá vàng đỏ, tỉ lệ chết đến 50-70%. Trong đợt rét ($t^{\circ} < 13^{\circ}$), trời nhiều mây, không có nắng, cây quang hợp và tạo chất hữu cơ ít, nên trên những chân ruộng phân bón ít tỉ lệ lúa chết nhiều hơn những chân ruộng chăm sóc tốt. Ruộng có độ sâu 3 - 5cm, nhiệt lượng trong đất được điều hòa hơn, lúa được ẩm gốc, tỉ lệ chết ít, trên ruộng khô hoặc nước quá sâu chết nhiều hơn ruộng đất ẩm. Nếu chỉ tính riêng trong đợt rét hại nửa đầu tháng II, toàn tỉnh có 3179 ha lúa bị chết hoàn toàn, hàng ngàn ha tỉ lệ chết đến 20-40% phải cấy dặm lại, 130 ha mạ không được bị chết (chiếm 2% tổng diện tích mạ gieo), trong đó, bị nặng nhất là huyện Vũ Thư hơn 61% diện tích mạ không được gieo bị chết, Hưng Hà 40%.

Từ giữa tháng II, nhiệt độ tăng rõ rệt, nhiệt độ trung bình ngày $> 13^{\circ}\text{C}$, tuy không có nắng nhưng thời tiết ẩm (độ ẩm trung bình 90%), có mưa nhỏ và mưa phùn, nên rất thuận lợi để cấy các giống lúa xuân. Lúa cấy sau 4 - 7 ngày bén rễ hồi xanh và sau 20 - 25 ngày bắt đầu đẻ nhánh. Ở các nơi lúa đẻ rộ vào thượng và trung tuần tháng IV, chậm hơn mọi năm 15 - 20 ngày. Nhiệt độ thời gian này 22-23°, lúa phát triển nhanh, đẻ khỏe, tỉ suất nhánh để tính đến 10/IV đạt 240-260%. Những nơi cấy mạ xấu, hoặc khi cấy gặp rét, lúa chết nhiều, phân bón ít, tỉ suất nhánh đẻ cao nhất cũng chỉ có 100%. Lúa kết thúc đẻ vào cuối tháng III đến tháng IV, sau 30 - 35 ngày chuyển sang giai đoạn hình thành đòng. Mầm hóa và phát triển đòng. Sự phân bố nhiệt độ và ánh sáng trong thời kì này rất thuận lợi (nhiệt độ trung bình $> 25^{\circ}\text{C}$ với trên 4h nắng/ngày). Các quá trình quang hợp và tạo chất hữu cơ trong lúa tiến hành tốt, có nhiều ảnh hưởng đến các yếu tố cấu thành năng suất.

Lúa đại trà trở rộ vào nửa cuối tháng V. Trong tháng này mưa rất ít, tình trạng thiếu nước lan rộng trên 35 ngàn ha, lúa đổ lá, nhiều diện tích vùng ven biển Thái thụ bị bốc chua, lúa bị lụi. Sang đầu tháng VI có mưa, lượng mưa tuần ở các nơi phổ biến đều từ 100 - 180mm, các trà lúa muộn có nước bắt đầu trở bông. Cường độ ánh sáng mạnh. Lúa phơi màu thuận lợi, chín đều, chắc hạt. Số ngày từ trở bông đến chín 20 - 25 ngày. Trà muộn tốc độ chín chậm hơn 5 - 10 ngày do ảnh hưởng của những ngày mưa cuối tháng.

4. Tình hình sâu bệnh.

Trong vụ đông, do nắng nhiều, không mưa, đất được phơi ải nỏ, các loại rau màu phát triển không bị sâu bệnh đe dọa.

Ở vụ xuân, trên một số diện tích do bón đạm quá nhiều hoặc thúc đạm muộn, gặp điều kiện nhiệt độ từ 18 - 25°, trời âm u, ẩm độ 85% hay cao hơn, bệnh đạo ôn bắt đầu phát sinh từ 25 - III, hại trên lá NNS trà sớm, lan rộng trên 1804 ha.

Sâu hại nặng nhất trong vụ xuân này là sâu cuốn lá nhỏ và sâu đục thân 2 chấm. Sâu cuốn lá gây dịch rộng lớn gấp 10 - 15 lần so với nhiều năm. Hai loại sâu này phá chủ yếu trà lúa muộn NNS, 11 ở thời kỳ lúa con gái và đang ươm đồng, nhiều nơi lá bị cuốn hết, bông không trở thoát, dự tính năng suất trà này bị giảm đến 20 - 25%.

C - Kết luận

Như vậy vụ đông xuân 1979 - 1980 thời tiết đầu vụ có biến động mạnh. Ở vụ đông, mưa rất ít, nắng nhiều, đất ải nỏ, sâu bệnh hầu như không có, mất nhiều công tưới nước, song chế độ nhiệt và ánh sáng đối với các loại cây rau màu vụ đông là tối ưu. Đợt rét đậm nửa đầu tháng II làm chết nhiều mạ và lúa xuân, thời vụ cấy lúa xuân kéo dài, nhưng đã kịp hãm được tốc độ phát dục của mạ. Do vậy không phải cấy mạ già, lúa được chăm bón kịp thời, gặp điều kiện tốt, phát triển nhanh, đẻ khỏe. Từ giữa tháng II đến hết vụ, biến thiên các yếu tố khí tượng về cơ bản là thuận lợi cho các quá trình phát triển của lúa, nhất là đối với lúa sớm và chính vụ, lúa muộn gặp hạn nhưng đợt mưa đầu tháng VI đã cung cấp đủ nước cho lúa trở thoát và phơi màu thuận lợi.

Đây là một trong những nguyên nhân chính đưa năng suất, sản lượng lúa và các loại rau màu vụ đông xuân 1979 - 1980 đứng vào hàng thứ 4 kể từ năm 1970 lại đây. Năng suất lúa vụ xuân toàn tỉnh đạt 33,3 tạ/ha, tăng 30% so với năm 1979, khoai tây tăng 40%, khoai lang 13% và các loại rau khác đạt xấp xỉ với vụ đông trước.